

NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN NHẬN THỨC THEO QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hữu Anh^(*)

^(*) Thạc sĩ, Khoa Lý luận cơ bản, Trường Đại học Khánh Hòa.

Trần Hồng Lưu^()**

^(**) Tiến sĩ, Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Email: hongluu2009@gmail.com

Tóm tắt: Cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy Người làm nhiều hơn nói và viết. Khi đọc các tác phẩm của Hồ Chí Minh, có thể nhận ra, những luận điểm của các nhà tư tưởng lớn của nhân loại thường được Người thể hiện trong lối viết một cách dung dị, giàu hình ảnh nhưng không kém hàm súc, kể cả các quan niệm của Phật giáo và Nho giáo hay lý luận của các nhà kinh điển mácxít. Trong bài viết này, các tác giả luận giải vấn đề lý luận nhận thức theo quan điểm của Hồ Chí Minh. Người thể hiện lý luận sâu sắc đó thông qua lối diễn giải dễ hiểu đối với mọi người. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận nhận thức có vai trò thiết thân đối với con người nói chung, đặc biệt đối với những người hoạt động cách mạng và các nhà lãnh đạo khi muốn làm cho lý tưởng cách mạng đi vào phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, lý luận nhận thức, kinh điển, cách mạng.

Ngày nhận bài: 14/05/2023; ngày phản biện: 15/05/2023; ngày sửa chữa: 15/06/2023; ngày duyệt đăng: 15/01/2024.

1. Mở đầu

Những thập niên gần đây có rất nhiều công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh ở những cấp độ khác nhau, từ các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ đến các công trình khoa học cấp nhà nước. Đó chính là cơ sở để hình

thành nên một ngành khoa học mới ở Việt Nam, ngành “Hồ Chí Minh học” (khoa học nghiên cứu về Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, một vấn đề được nhiều người đặt ra khi nghiên cứu các trước tác của Hồ Chí Minh là: tại sao Hồ Chí Minh ít khi trích dẫn các tác phẩm của

các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác và ở Hồ Chí Minh thực sự có tư tưởng triết học hay không ? v.v..

Nghiên cứu bài *Thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành* do chính Hồ Chí Minh viết ngày 10 - 07 - 1951, chúng ta sẽ phân nào lý giải được các câu hỏi trên. Có thể nói, đây là tác phẩm hiếm hoi *thuần túy triết học*, lại đi vào một vấn đề cụ thể và quan trọng của lý luận nhận thức. Tác phẩm này đã ẩn chứa không ít tư tưởng triết học quý giá, thể hiện tài năng “thâu thái trí tuệ nhân loại”, đặc biệt là những tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về nhận thức luận. Tất cả được diễn tả bằng ngôn ngữ trong sáng, pha lẫn sự ví von dễ hiểu, dễ đi sâu vào lòng người. Trong quá trình hoạt động, Hồ Chí Minh không ngừng bổ sung và hoàn thiện quan niệm của mình về nhận thức bằng các bài nói, bài viết khác được trình bày dưới đây.

2. Hồ Chí Minh bàn về nhận thức luận

Giới nghiên cứu lý luận từng biết, khi tổng kết tư tưởng triết học nhân loại trong tác phẩm *Bút ký triết học* nổi tiếng, V.I.Lênin đã khái quát các giai đoạn nhận thức như sau: “từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân

lý, của sự nhận thức thực tại khách quan” (V.I.Lênin 1981b: 179) Điều đó có thể diễn giải tóm tắt như sau: quá trình nhận thức tất yếu phải đi qua hai giai đoạn - *trực quan sinh động* (nhận thức cảm tính) chủ yếu bằng các giác quan và *tư duy trừu tượng* (nhận thức lý tính) bằng sự khái quát hóa khái niệm, phán đoán, suy lý; với những đặc điểm riêng của từng giai đoạn nhận thức và quay trở lại thực tiễn với tư cách vừa là điểm đầu vừa là điểm cuối của quá trình nhận thức, nhằm kiểm nghiệm xem tri thức thu nhận được là đúng hay sai. Sau đây là những luận giải của Hồ Chí Minh nhằm làm rõ thêm vấn đề trên.

2.1. Về vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

Thứ nhất, thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức.

Trong cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh đã nhiều lần *khẳng định vai trò hết sức quan trọng của thực tiễn*. Người viết: “hoạt động sản xuất là nguồn gốc của sự phát triển hiểu biết của loài người” và “hoạt động sản xuất của xã hội phát triển từng bước, từ thấp đến cao, từ cạn đến sâu, từ một mặt đến toàn diện” (Hồ Chí Minh 2011c: 121), nên nhận thức của con người phải phản ánh quá trình đó. Như vậy, thực tiễn là điểm xuất phát và là cơ sở cho nhận thức của con người. Người phân tích rõ

hơn: “kinh nghiệm cảm giác là bước đầu tiên trong quá trình hiểu biết. Chỉ do thực hành người ta mới hiểu biết, chỉ do tiếp xúc với sự vật khách quan, người ta mới có kinh nghiệm cảm giác. Nếu nhắm mắt, bịt tai, không nghe, không thấy sự vật khách quan bên ngoài thì làm gì có hiểu biết (Hồ Chí Minh 2011c: 126).

Thứ hai, thực tiễn là mục đích của nhận thức.

Thực tiễn còn là mục đích hướng đến của mọi hoạt động nhận thức nhằm mang lại cuộc sống hạnh phúc cho con người, chứ không phải nhận thức để trang điểm qua bằng cấp học được mà học để làm người, làm cán bộ phụng sự Tổ quốc, nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, lý luận hay nhận thức học được “phải dùng vào thực hành. Sự tiến tới của hiểu biết chẳng những ở chỗ từ cảm giác tiến đến lý luận, mà cốt nhất là từ lý luận đến thực hành cách mạng. Đã nắm được quy luật thế giới, thì phải dùng nó vào thực hành cải tạo thế giới” (Hồ Chí Minh 2011c: 127).

Thứ ba, thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm tra chân lý.

Theo Hồ Chí Minh: “chỉ có thực hành mới là thước đo đúng nhất cho sự hiểu biết của con người về thế giới”, là tiêu chuẩn để kiểm tra nhận thức đúng hay sai. Người coi: “tất cả mọi hiểu biết, đều

do kinh nghiệm trực tiếp hoặc kinh nghiệm gián tiếp mà có” (Hồ Chí Minh 2011c: 124).

Hồ Chí Minh dẫn luận điểm của V.I.Lênin: “thực hành cao hơn sự hiểu biết (lý luận) vì nó có tính chất phổ biến, lại có tính chất thực tế cụ thể”. Nhiệm vụ của nhận thức, theo Hồ Chí Minh, là: “từ cảm giác đến tư tưởng, đến sự hiểu biết những mâu thuẫn nội bộ của mọi sự vật, hiểu biết quy luật của nó, hiểu biết quan hệ bên trong của quá trình này với quá trình kia, nghĩa là hiểu biết tiến dần thành lý luận” (Hồ Chí Minh 2011c: 122, 123).

Hồ Chí Minh coi thực tiễn là tiêu chuẩn cao nhất của nhận thức. Theo Người, học mà không đem tri thức phục vụ được thực tiễn thì chỉ là hiểu biết một nửa, hay chỉ là một hòm sách hoặc lý luận suông. Tri thức học được phải phục vụ ích quốc lợi dân, chứ không phải dùng bằng cấp đó mặc cả với dân, với nước.

2.2. Mối quan hệ mật thiết giữa hai giai đoạn nhận thức chân lý

Nói về sự khác biệt giữa hai giai đoạn nhận thức cảm tính (cảm giác) và nhận thức lý tính (khái niệm, lý luận), Hồ Chí Minh chỉ rõ: “cảm giác chỉ giải quyết vấn đề hiện tượng. Lý luận mới giải quyết vấn đề bản chất” và: “khái niệm là đã nắm được cái bản chất, cái

toàn bộ và quan hệ bên trong của mọi việc” (Hồ Chí Minh 2011c: 123). Quá trình nhận thức được Hồ Chí Minh diễn tả một cách dễ hiểu như sau: “... sự hiểu biết bằng lý trí phải dựa vào sự hiểu biết bằng cảm giác, nếu không có cảm giác, thì lý trí như một dòng nước không có nguồn, một chòm cây không có rễ, mà như thế là chủ quan” (Hồ Chí Minh 2011c: 126).

Hồ Chí Minh đã nêu bật mối quan hệ hữu cơ giữa nhận thức cảm tính (cảm giác) với nhận thức lý tính (lý trí). Người so sánh một cách mộc mạc, dễ hiểu: nếu thiếu sự nhận thức cơ sở bằng cảm giác thì lý tính chỉ là tri thức “lơ lửng” mất nguồn, mất gốc, mất rễ. Tiếp đó, Người phân tích rõ hơn: “kinh nghiệm cảm giác là bước đầu tiên trong quá trình hiểu biết. Chỉ do thực hành người ta mới hiểu biết, chỉ do tiếp xúc với sự vật khách quan, người ta mới có kinh nghiệm cảm giác. Nếu nhắm mắt, bịt tai, không nghe, không thấy sự vật khách quan bên ngoài thì làm gì có hiểu biết. Đó là hiểu biết theo chủ nghĩa duy vật (Hồ Chí Minh 2011c: 126).

Cách viết của Hồ Chí Minh ngắn gọn, câu chữ ít nhưng nội dung rất hàm súc, cần phải suy nghĩ để hiểu rộng hơn ý Người muốn diễn tả. Hồ Chí Minh phân biệt rõ sự hiểu biết theo chủ nghĩa duy vật với các dạng hiểu biết

thần bí, khó hiểu khác, không cần đến cảm giác như *tự ý thức* của chủ nghĩa duy tâm khách quan của Hêghen, hay bằng *niềm tin không cần luận chứng* của tôn giáo.

Theo Hồ Chí Minh, “...hiểu biết phải tiến hóa sâu sắc từ giai đoạn cảm giác đến giai đoạn lý trí. Đó là sự hiểu biết theo phương pháp biện chứng” (Hồ Chí Minh 2011c: 126). Tức là nhận thức của con người không thể chỉ dừng lại ở cảm giác mà nhất thiết phải tiến hóa từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ ít sâu sắc đến sâu sắc hơn. Muốn vậy, tất yếu phải chuyển từ nhận thức cảm tính lên nhận thức lý tính. Để chỉ rõ sự khác nhau giữa hiểu biết theo phương pháp biện chứng với hiểu biết hạn chế của phương pháp siêu hình, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “chỉ cảm giác thôi không đủ. Muốn hiểu biết toàn bộ sự vật, hiểu biết bản chất và quy luật nội bộ của nó, thì phải suy xét kỹ lưỡng, gom góp những cảm giác phong phú lại, rồi chọn lọc cái nào thật, cái nào giả, cái nào đúng, cái nào sai, từ ngoài đến trong để tạo thành một hệ thống khái niệm, lý luận. Đó là hiểu biết do thực hành mà có và được cải tạo trong thực hành. Hiểu biết ấy sâu sắc hơn, đúng hơn, phản ánh sự vật một cách hoàn toàn hơn” (Hồ Chí Minh 2011c: 126-127).

Nhận xét trên hoàn toàn phù hợp với tư tưởng của V.I.Lênin: “Tư duy, khi tiến lên từ cái cụ thể đến cái trừu tượng không xa - nếu có đúng... rời chân lý, mà đến dần chân lý... tất cả những sự trừu tượng khoa học... phản ánh giới tự nhiên sâu sắc hơn, chính xác hơn, đầy đủ hơn” (V.I.Lênin 1981b: 179).

Hơn thế nữa, Hồ Chí Minh còn khẳng định: “đối với một công tác cũng như đối với một xã hội hay một cuộc cách mạng, sự hiểu biết đều do cảm giác tiến lên lý trí (lý luận)”. Song, chỉ có thể thôi thì chưa đủ. Theo Người, “hiểu biết như thế *chỉ mới là hiểu một nửa*. Vì theo chủ nghĩa Mác thì chẳng những cần hiểu biết quy luật thế giới để giải thích thế giới, mà còn phải dùng sự hiểu biết ấy để *cải tạo thế giới*” (Hồ Chí Minh 2011c: 127).

Lý luận không chỉ giải thích thế giới mà còn phải quay trở lại cải tạo thế giới. Hơn thế, Hồ Chí Minh còn chỉ ra tầm quan trọng của lý luận - “nó dạy ta *hành động*”, tức phương pháp xử thế và hoạt động thực tiễn. Những tri thức mà con người nhận thức được nếu không áp dụng vào thực tiễn thì cũng trở thành “lý luận suông”.

Từ sự khái quát ngắn gọn quá trình nhận thức như trên, Hồ Chí Minh nêu bật mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức (lý luận) và thực tiễn: “hiểu biết do

thực hành mà ra. Hiểu biết lại trải qua thực hành mà thành lý luận. Lý luận ấy phải dùng vào thực hành. Sự tiến tới của hiểu biết chẳng những ở chỗ từ cảm giác tiến đến lý luận, mà cốt nhất là *từ lý luận đến thực hành cách mạng*. Đã nắm được quy luật thế giới, thì phải dùng nó vào thực hành *cải tạo thế giới*. Đó là quá trình liên tiếp của hiểu biết” (Hồ Chí Minh 2011c: 127).

2.3. Tác hại của cách hiểu siêu hình, phiến diện trong quá trình nhận thức

Trong tiến trình nhận thức, Hồ Chí Minh chỉ ra một dạng nhận thức sai lầm, thiên lệch, siêu hình, máy móc, tạo ra loại phiến diện thứ nhất: *tuyệt đối hóa nhận thức cảm tính* và những tác hại của nó. Người nêu đích danh đây là “những người chỉ trọng kinh nghiệm mà khinh lý luận thì không hiểu rõ toàn bộ quá trình khách quan... chỉ biết một mà không biết mười. Nếu những người ấy lãnh đạo cách mạng thì sẽ thất bại” (Hồ Chí Minh 2011c: 127).

Căn bệnh “thấy cây mà không thấy rừng” này gây nên những tác hại như thế nào, ai cũng dễ dàng nhận thấy. Đó là bệnh kinh nghiệm, cá nhân, cục bộ, địa phương, không có tầm nhìn xa rộng. Gặp phải tình huống mới “như gà mắc tóc” và dẫn tới độc đoán, đưa phong trào đi đến thất bại. Đó là căn bệnh của những người thiển cận, ít học hỏi lý

luận hoặc hiểu lý luận một cách hời hợt, sơ sài. Đây là một dạng “giáo điều” về kinh nghiệm. Cách làm kinh nghiệm, thiếu tầm nhìn, thiếu lý luận soi đường này dẫn đến mò mẫm, độc đoán và tất yếu sẽ thất bại, làm tổn hại không ít tiền của, sức lực, thậm chí cả xương máu của nhân dân.

Để lý luận gắn với thực tiễn, Hồ Chí Minh cho rằng, trước hết phải nâng cao trình độ lý luận, khắc phục bệnh kém lý luận, bệnh khinh lý luận. Vì, theo Người, những bệnh đó nhất định sẽ viện dẫn tới kinh nghiệm, tuyệt đối hóa kinh nghiệm và sẽ dẫn tới chủ nghĩa kinh nghiệm. Người vạch rõ, không ít cán bộ, đảng viên “chỉ bo bo giữ lấy kinh nghiệm lẻ tẻ. Họ không hiểu rằng lý luận rất quan trọng cho sự thực hành cách mạng. Vì vậy, họ cứ cầm đầu nhắm mắt mà làm, không hiểu rõ toàn cuộc của cách mạng” (Hồ Chí Minh 2011c: 120). Người cho rằng “kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi. Có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng một mắt mờ” (Hồ Chí Minh 2011a: 274). Nếu “làm mà không có lý luận thì không khác gì đi mò trong đêm tối vừa chậm chạp vừa hay vấp vấp” (Hồ Chí Minh 2011b: 357). Và trước sự vận động của tình hình khách

quan, những người như vậy sẽ lúng túng không giải quyết được những vấn đề mới của thực tiễn.

Loại phiên diện thứ hai là tuyệt đối hóa nhận thức lý tính, lý thuyết chung, dẫn đến bệnh hàn lâm, xa rời thực tiễn. Hồ Chí Minh từ rất sớm đã nói nhiều đến tác hại của lối tư duy giáo điều, sách vở, chỉ đề cao lý thuyết mà coi nhẹ thực tiễn. Nói cách khác đây là cực siêu hình thứ hai khi đề cao nhận thức lý tính, lý luận mà coi thường, hạ thấp vai trò của nhận thức cảm tính, kinh nghiệm. Người nhắc nhở: “không nên đào tạo ra những con người thuộc sách lâu lâu, cụ Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia, nhưng được giao nhiệm vụ quét nhà lại để cho nhà đầy rác!” (Hồ Chí Minh 2011a: 668).

Bởi, theo Hồ Chí Minh, một người thuộc lòng kinh sách nhưng không biết đem tri thức đó phục vụ đời sống thì đó chỉ là một “hòm sách” hay trí thức “một nửa”. Tri thức là kết quả thu nhận được từ quá trình nhận thức thực tiễn, nó chỉ có ý nghĩa khi được áp dụng vào thực tế một cách hiệu quả.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: “lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào công việc thực tế là lý luận suông. Dù xem được hàng ngàn, hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác

nào một cái hòm đựng sách” (Hồ Chí Minh 2011a: 274). Với Hồ Chí Minh, người cán bộ đã đọc được sách, đã học được lý luận thì phải ra sức thực hành, phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế, phải chữa bệnh kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông. Để tránh bệnh sách vở hay lý thuyết suông, đòi hỏi với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi “vì sao?”, đều phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, có thật là đúng lý không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều” (Hồ Chí Minh 2011d: 98-99). Nếu chỉ đề cao cái chung hay lý luận chung mà ít chú ý đến cái riêng hay thực tiễn, người cán bộ lãnh đạo sẽ chỉ thông thạo sách vở mà không thể áp dụng vào thực tiễn, do xa rời kinh nghiệm, thực tiễn. Hệ quả tất yếu của cực siêu hình thứ hai là dẫn đến bệnh hình thức, bệnh phong trào, hô hào khẩu hiệu mà không đem lại hiệu quả thiết thực nào cho cuộc sống.

Hơn thế, Hồ Chí Minh còn vạch ra sai lầm của những người *khuyñh tả* và *khuyñh hữu*, coi cả hai cực này đều giống nhau ở chỗ “xa rời thực hành”. Điểm khác nhau là tư tưởng của người *khuyñh hữu* “không theo kịp sự biến đổi của tình hình khách quan”, còn người *khuyñh tả* thì “chỉ biết nói cho sướng miệng. Tư tưởng của họ nhảy qua những giai đoạn

phát triển nhất định. Họ cho ảo tưởng là sự thật... Họ không thiết thực. Họ hành động một cách liều mạng” (Hồ Chí Minh 2011c: 129).

Quán triệt quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn là cách khắc phục tốt nhất căn bệnh siêu hình, máy móc. Nói về sự gắn bó giữa lý thuyết và thực tiễn, học và hành, hay cách khắc phục hai thái cực của quan điểm siêu hình, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “người lao động trí óc mà không liên hệ với lao động chân tay thì chỉ mới là trí thức một nửa. Còn người lao động chân tay mà văn hóa kém, không biết lao động trí óc thì cũng là người không hoàn toàn, cũng chỉ được một nửa... Người trí thức phải biết làm lao động chân tay. Người công nhân, nông dân phải có trình độ văn hóa” (Hồ Chí Minh 2011d: 400). Và, “công nông cần học tập văn hóa để nâng cao trình độ tri thức của mình, trí thức cần gần gũi với công nông và học tập tinh thần, nghị lực, sáng kiến và kinh nghiệm của công nông” (Hồ Chí Minh 2011c: 73).

Đây là một chỉ dẫn quan trọng của Hồ Chí Minh trong việc khắc phục hai cực của cách hiểu siêu hình. Nếu cực thứ nhất chỉ thấy hay chú trọng cái riêng, cái kinh nghiệm thực tiễn, thì cực thứ hai lại tuyệt đối hóa cái chung, lý luận như là cẩm nang vạn năng có thể giải quyết mọi vấn đề. Thổi phồng, đề cao một trong hai

cực thực tiễn hay lý luận đều tất yếu dẫn đến phương pháp siêu hình, đều gây tổn hại cho công việc.

2.4. *Mối liên hệ mật thiết giữa lý luận và thực tiễn*

Hồ Chí Minh luôn coi trọng vai trò của cả lý luận lẫn thực tiễn. Ở Hồ Chí Minh, tri thức lý luận chính là sự khái quát từ tri thức kinh nghiệm: “lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là sự tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử” (Hồ Chí Minh 2011d: 96). Vì thế, trong hoạt động cách mạng và nhận thức khoa học, theo Hồ Chí Minh, cần phải coi “thống nhất giữa lý luận thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông” (Hồ Chí Minh 2011d: 95).

Cuối cùng, Hồ Chí Minh kết luận: “trong cả *tổng* quá trình phát triển *tuyệt đối* của toàn thể vũ trụ thì những quá trình phát triển cụ thể chỉ là *tương đối*. Do đó, những sự hiểu biết của người ta trong từng giai đoạn nhất định chỉ là những sự thật tương đối trong các sự thật *tuyệt đối* to lớn. Vô số *sự thật tương đối* hợp lại thành *sự thật tuyệt đối*” (Hồ Chí Minh 2011c: 129). Không còn nghi ngờ gì nữa, đây chính là sự diễn giải cụ thể

và sinh động của quan điểm mácxít về mối quan hệ giữa chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối trong quá trình nhận thức của con người, giữa khả năng nhận thức vô hạn (tuyệt đối) của con người với sự nhận thức có hạn (tương đối) của từng người, từng thế hệ người. Điều này hoàn toàn trùng khớp với tư tưởng mácxít về mối quan hệ biện chứng giữa chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối mà V.I.Lênin đã đề cập trong tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*: “theo bản chất của nó, tư duy của con người có thể cung cấp và đang cung cấp cho chúng ta chân lý tuyệt đối mà chân lý này chỉ là tổng số những chân lý tương đối. Mỗi giai đoạn phát triển của khoa học lại đem thêm những hạt mới vào cái tổng số ấy của chân lý tuyệt đối, nhưng những giới hạn chân lý của mọi định lý khoa học đều là tương đối, khi thì mở ra, khi thì thu hẹp lại, tùy theo sự tăng tiến của tri thức” (V.I.Lênin 1981a: 158).

Bằng một công thức ngắn gọn, súc tích, Hồ Chí Minh đã đúc kết toàn bộ quá trình nhận thức của con người, đó là: “thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành”. Tư tưởng trên cũng hoàn toàn phù hợp với hai giai đoạn nhận thức chân lý do V.I.Lênin đã nêu lên trong *Bút ký triết học*.

3. Ý nghĩa phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về lý luận nhận thức đối với công cuộc đổi mới hiện nay

Từ những phân tích tư tưởng về nhận thức của Hồ Chí Minh trên đây có thể rút ra một số ý nghĩa sau:

Thứ nhất, mọi nhận thức của con người phải xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn. Công cuộc đổi mới đất nước chính là thực tiễn mới, đòi hỏi nhận thức chúng ta phải căn cứ vào đó để phản ánh sát thực thực tiễn.

Thứ hai, thực tiễn mới luôn vận động, biến đổi và phát triển, đòi hỏi nhận thức con người cũng không ngừng vận động theo để phản ánh ngày càng đúng hơn.

Thứ ba, từ nhận thức đúng thực tiễn đất nước trong quá trình đổi mới đó, cán bộ, đảng viên phải đề xuất, tham mưu cho Đảng, Nhà nước các quyết sách phù hợp quy luật khách quan để đưa sự nghiệp đổi mới đạt mục tiêu đề ra.

Thứ tư, khắc phục khuynh hướng phiến diện, *chỉ thấy cây mà không thấy rừng* của những người đề cao kinh nghiệm, cái riêng, nhận thức trực quan mà coi thường lý luận, dẫn đến hoạt động thực tiễn kém hiệu quả. Đồng thời, khắc phục khuynh hướng đề cao nhận thức lý tính, tuyệt đối hóa lý luận học thuật hàn lâm và coi thường thực tiễn. Cần nhận rõ những tác hại của hai thái

cực sai lầm trên để ngăn ngừa, khắc phục có hiệu quả giúp cán bộ, đảng viên nhận thức đúng thực tiễn đổi mới, theo kịp với thời đại.

4. Kết luận

Hồ Chí Minh đã đưa ra những tư tưởng sâu sắc, khoa học liên quan đến lý luận nhận thức mácxít, đồng thời có giá trị phương pháp luận. Sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đang đi vào chiều sâu, đòi hỏi cán bộ, đảng viên cần tích cực nâng cao nhận thức theo tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng bổ sung phát triển nhằm nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, đúng đắn hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra; trên cơ sở đó, giải quyết một cách hiệu quả, thiết thực nhằm đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đến thành công.

Tài liệu trích dẫn

1. Hồ Chí Minh. 2011a. *Toàn tập*, tập 5. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
2. Hồ Chí Minh. 2011b. *Toàn tập*, tập 6. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
3. Hồ Chí Minh. 2011c. *Toàn tập*, tập 7. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
4. Hồ Chí Minh. 2011d. *Toàn tập*, tập 11. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
5. V.I.Lênin. 1981a. *Toàn tập*, tập 18. Mátxcova: Nxb Tiến bộ.
6. V.I.Lênin. 1981b. *Toàn tập*, tập 29. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.